TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2025
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN GỆN TIÊN DU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bỉnh Thái và bà Đào Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Tân - Thư ký Tòa án nhân dân Gện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Gện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2025/HNGĐ ngày 24/4/2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 20/5/2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 21/2025/QĐST-HPT ngày 06/6/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1988. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990. (Vắng mặt).

Các đương sự đều HKTT: Thôn R, xã E, Gện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H sau thời gian tìm hiểu có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã E, Gện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình nhà anh H một thời gian thì ra ở riêng. Vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Từ năm 2020 chị cGển ra ngoài và sống, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến

ai, nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc G, sinh ngày 29/4/2010 và cháu Nguyễn Thị Kim W, sinh ngày 30/3/2015. Hiện nay cháu W đang ở cùng chị còn cháu G ở cùng anh H. Ly hôn chị xin nuôi cháu W và anh H tiếp tục nuôi cháu G như hiện tại. Chị có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho con, từ ngày không ở với anh H, cháu W cũng có cuộc sống ổn định và đi học đầy đủ.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ những vắng mặt tại các buổi lấy lời khai, công khai chứng cứ, hoà giải cũng như tại phiên toà..*

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Thanh Hồng và bà Nguyễn Thị Thuý là bố mẹ đẻ của anh H cho biết vợ chồng T H có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 2009. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận sau xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm, chị T bỏ ra ngoài, vợ chồng T H sống ly thân khoảng 3 đến 4 năm nay. Ông bà thông báo cho anh H biết việc Toà án đang giải quyết ly hôn và được biết quan điểm anh H cũng muốn ly hôn chị T vì hai người sống ly thân đã lâu. Đối với cháu Nguyễn Quốc G là con của chị T và anh H hiện nay vẫn đang sống cùng anh H và ông bà, cháu có cuộc sống và học tập ổn định. Ông bà cam kết giao các giấy triệu tập của Toà án cho anh H.

Tại phiên toà chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và xin nuôi cháu W còn để anh H tiếp tục nuôi cháu G. Anh H đã được Toà án triệu tập nhưng đều vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải cũng như tại phiên toà. Các đương sự không thoả thuận được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Gện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định còn bị đơn vẫn chưa tuân thủ quy trình tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim W, sinh ngày 29/4/2010 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Quốc G sinh ngày 29/10/2010 cho anh H nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã E, Gện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân Gện Tiên Du thụ lý và giải quyết là đúng quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị T và anh H kết hôn ngày 04/11/2009 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, Gện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Khi kết hôn anh chị đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị T và anh H sống ly thân gần 4 năm nay, giữa chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn, anh H cũng có nguyện vọng ly hôn, Toà án đã tiến hành triệu tập, mở phiên hoà giải anh H đều không có mặt, Toà án triệu tập phiên toà nhưng anh H vẫn cố tình không tham gia, xác định anh H không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên toà chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị T anh H có 02 chung là cháu Nguyễn Quốc G, sinh ngày 29/4/2010 và cháu Nguyễn Thị Kim W, sinh ngày 30/3/2015.

HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cũng cần đảm bảo cho các cháu có được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập tốt nhất và ổn định nhất, để

các cháu được phát triển đầy đủ về tâm, sinh lý và cũng đảm bảo nguyện vọng của con chung. Xét từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu W sống cùng và do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu G do anh H chăm sóc. Tại phiên toà chị T đề nghị giữ nguyên như tình trạng hiện nay, xét thấy các cháu đang có cuộc sống ổn định, cháu W có nguyện vọng ở với chị T còn cháu H có nguyện vọng sống cùng bố và ông bà nội và để tránh sự xáo trộn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T là giao cháu W cho chị T và giao cháu G cho anh H tiếp tục chăm sóc là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc G, sinh ngày 29/4/2010 cho anh H nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Thị Kim W, sinh ngày 30/3/2015 cho chị T nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 0002803 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Gện Tiên Du).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án./.

Nơi nhận:
- VKS Gện Tiên Du;
- THA DS Gện Tiên Du;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E; ĐKKH 92/04/11/2009);
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Lan Hương